

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Ngọc Đĩnh

2. Ông Lê Mạnh Quỳnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị NTL, sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh HVK, sinh năm 1984, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTL trình bày:

Chị và anh HVK kết hôn với nhau tháng ngày 07 tháng 9 năm 2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện TD. Kết hôn xong thì vợ chồng về chung sống với gia đình anh Kiên tại thôn T, xã M. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2008 vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2012 thì mâu thuẫn đã trầm trọng, gay gắt. Nguyên nhân do anh K không chịu khó làm ăn, thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị và kéo dài từ đó đến nay. Năm 2013 chị đã làm đơn xin ly hôn anh K nhưng do anh K không hợp tác đến Tòa án làm việc, chị lại phải đi làm không có thời gian, cộng thêm việc có con nhỏ nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau. Nhưng tính cách

anh K vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị. Tháng 11 năm 2013 chị đem con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã M sinh sống và vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh K.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu HTTH, sinh ngày 03/9/2008 và cháu HPH1, sinh ngày 29/9/2012. Hiện cháu H đang ở với chị, cháu H1 đang ở với anh K. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh Kiên tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1. Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là anh HVK quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh K thì hiện nay anh K làm nghề lao động tự do, hay đi làm ở VY, Hà Nội.. nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại thôn T, xã M. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo giải quyết vụ án...cho anh K và niêm yết đầy đủ các giấy tờ tại nơi cư trú của anh K. Gia đình anh K nhận được các loại giấy tờ của Tòa án, anh K biết việc giải quyết ly hôn nhưng anh cố tình không đến, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện TD đã tổng đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh K.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là chị L đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh K chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Cho chị NTL và anh HVK được ly hôn. Về con chung: giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; giao cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Các vấn đề về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết. Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Chị NTL có đơn xin ly hôn anh HVK trú tại thôn T, xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh HVK vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh K vẫn vắng mặt điều đó thể hiện anh tự bỏ quyền và nghĩa vụ của mình do vậy Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị NTL và anh HVK là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng đã hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó đến năm 2008 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, phần còn lại theo chị L là do anh K không chịu khó làm ăn, hay rượu chè và chửi mắng vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2013 đến nay.

Qua xác minh tại địa phương xã M, làm việc với mẹ đẻ anh K là bà TTS thì: Vợ chồng anh K, chị L mâu thuẫn với nhau trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hiện nay đã sống ly thân (từ năm 2013). Bà S còn xác định việc Tòa án báo gọi đến giải quyết việc ly hôn, bà là người nhận các loại văn bản, giấy tờ và thông báo lại cho anh K nhưng anh K không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện việc anh K không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, có ý vắng mặt để gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Cần giải quyết cho chị L được ly hôn với anh K để giải phóng cho các bên đương sự.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 02 con chung là cháu HTTH1, sinh ngày 03/9/2008 và HPH, sinh ngày 29/9/2012. Hiện cháu H đang ở với chị L, cháu H1 đang ở với anh K. Ly hôn nguyện vọng của chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1. Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị NTL là nguyên đơn, phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị NTL và anh HVK

2. *Về con chung*: Giao cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu HPH, sinh ngày 29/9/2012; giao cho anh HVK trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu HTTH1, sinh ngày 03/9/2008. Chị L và anh K không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị NTL phải nộp 300.000đ án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0003087 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã M, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công

